



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Địa chỉ: 27 Điện Biên Phủ, Phường 09, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 074 3 740 234

Fax: 074 3 740 239

Website: www.tvpharm.com.vn

Email: info@tvpharm.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2015

Trà Vinh, Tháng 4 Năm 2016

MỤC LỤC

Phần 1: GIỚI THIỆU CÔNG TY	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Ngành nghề kinh doanh:.....	3
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
4. Các phần thưởng cao quý:	5
5. Qui mô TV.PHARM	5
5.1 Diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh và năng lực sản xuất:.....	5
5.2 Các nhóm sản phẩm do Công ty sản xuất:	5
5.3 Số chi nhánh trực thuộc:.....	6
5.4 Doanh thu và lợi nhuận Công ty từ khi cổ phần hóa:.....	7
Phần 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ	8
1. Mô hình quản trị:	8
2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức:	8
3. Ban quản trị Công ty:	10
4. Nhân sự và chính sách người lao động:.....	13
4.1 Cơ cấu nhân sự các năm từ 2011-2015:	13
4.2 Chính sách cho người lao động:	13
Phần 3: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015	15
1. Báo cáo của Tổng giám đốc về hoạt động, sản xuất, kinh doanh năm 2015:.....	15
1.1 Về sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng năm 2015.....	15
1.2 Kết quả kinh doanh và phát triển thị trường năm 2015	16
1.3 Tình hình tổ chức và nhân sự trong năm 2015	18
1.4 Tình hình đầu tư năm 2015	18
1.5 Tình hình tài chính năm 2015.....	19
2. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị:.....	26
2.1 Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty	26
2.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty.....	29
2.3 Chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2016:	29
3. Cơ cấu cổ đông:.....	30
4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	33
4.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	33
4.2 Tiêu thụ năng lượng	33
4.3. Tiêu thụ nước:	33
4.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:.....	33
4.5. Chính sách liên quan đến người lao động	33
4.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	35
Phần 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2015:	36
1. Ý kiến kiểm toán	36
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	37

Phần 1: GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM**
- Tên tiếng Anh: TV.PHARM PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: TV.PHARM
- Logo:



- Mã chứng khoán: TVP
- Trụ sở chính: 27, Điện Biên Phủ, Khóm 2, Phường 9, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.
- Số điện thoại: 074 3 740 234 – 0743 855372
- Số fax: 074 3 740 239
- Website: tvpharm.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2100274872 do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 09/5/2003, cấp thay đổi bổ sung lần 9 ngày 14/10/2013.
- Vốn điều lệ: 100.800.000.000 đồng
- Vốn đầu tư chủ sở hữu đến 31/12/2015: 189.412.512.489 đồng

2. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và thực phẩm chức năng: Thuốc và nguyên liệu, tá dược dùng cho thú y; Nguyên liệu, hương liệu, tá dược, bao bì dùng làm thuốc cho người và trang thiết bị dùng trong ngành y dược; mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hóa -sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài); Thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước uống không chứa cồn.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu năm 2015:

Trong năm 2015, Công ty chủ yếu hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược do công ty sản xuất. Ngoài ra, công ty có kinh doanh thêm hàng tân dược nhập khẩu và hàng của một số công ty dược trong nước.

3. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân là một Doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ ngày 20 tháng 05 **năm 1992**.

Năm 1994, thành lập Xí nghiệp sản xuất thuốc, sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu khám trị bệnh cho nhân dân trong tỉnh.

Năm 1997, đầu tư xây dựng mới Nhà máy sản xuất dược phẩm Non β -Lactam với dây chuyền công nghệ máy móc thiết bị hiện đại, trong đó có dây chuyền công nghệ mới về sản xuất thuốc dạng nang mềm đầu tiên trong cả nước và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.

Tháng 12/1999, Công ty được Cục quản lý dược - Bộ Y Tế cấp Giấy chứng nhận nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc khối ASEAN” (GMP- ASEAN); Kho đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt bảo quản thuốc”(GSP); Phòng Kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc” (GLP).

Năm 2002, Công ty đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2000

Năm 2003, thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần dược phẩm Trà Vinh

Năm 2006, đổi tên thành Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM.

Năm 2007, Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh β -Lactam đi vào hoạt động với trang thiết bị hiện đại, trong đó có *dây chuyền thuốc tiêm bột* là dây chuyền công nghệ hoàn toàn nhập khẩu từ Mỹ, có công suất 10 triệu lọ /năm.

Năm 2008, nâng cấp Nhà máy Non β -Lactam từ tiêu chuẩn GMP-ASEAN lên tiêu chuẩn GMP-WHO. Chú trọng đầu tư mở rộng mạng lưới phân phối khắp toàn quốc.

Tháng 11 năm 2008, Công ty được Cục quản lý dược- Bộ Y tế chứng nhận hai Nhà máy sản xuất Non β -Lactam và β -Lactam đều đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

Tháng 12 năm 2009, Hệ thống quản lý chất lượng được đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

Năm 2010, ký kết hợp đồng xuất khẩu đầu tiên sang Nigeria.

Năm 2013, xây dựng Nhà máy thực phẩm chức năng.

Năm 2014, cải tạo nâng cấp Nhà máy Non β -Lactam.

4. Các phần thưởng cao quý:

Công ty vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý sau:

- Danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”
- Huân chương Lao Động hạng 1
- Huân chương Lao Động hạng 2
- Huân chương Lao Động hạng 3

5. Qui mô TV.PHARM

5.1 Diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh và năng lực sản xuất:

Tổng diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh của toàn công ty là khoảng 30.000 m² , trong đó gồm những hạng mục chính như sau:

- Văn phòng công ty diện tích 500 m²
- Nhà máy Non- β -Lactam (tiêu chuẩn GMP-WHO), diện tích 1.400m², công suất 800 triệu viên/năm.
- Nhà máy β -Lactam (tiêu chuẩn GMP-WHO): diện tích 1.400m², công suất 420 triệu viên/năm, 06 triệu gói/năm. Đặc biệt, Nhà máy β -Lactam có dây chuyền sản xuất thuốc tiêm công suất 10 triệu lọ/năm.
- Nhà máy thực phẩm chức năng: diện tích 360m², công suất 240 triệu viên /năm.
- Phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP, diện tích 300 m²
- Nhà kho đạt tiêu chuẩn GSP, tổng diện tích 2.500 m²
- Văn phòng các Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Trà Vinh và các hiệu thuốc trong địa bàn tỉnh Trà Vinh, tổng diện tích 3.200 m²

5.2 Các nhóm sản phẩm do Công ty sản xuất:

Hiện nay sản phẩm của TV.PHARM rất đa dạng bào chế, thuộc các nhóm hàng sau:

- Nhóm kháng sinh Cephalosporin
- Nhóm hô hấp
- Nhóm kháng viêm
- Nhóm kháng histamin
- Nhóm giảm đau, hạ sốt
- Nhóm tim mạch, huyết áp
- Nhóm đường huyết
- Nhóm tiêu hóa, đường ruột
- Nhóm thần kinh, tuần hoàn não
- Nhóm vitamin bổ dưỡng

Các sản phẩm có thương hiệu được khách hàng tín nhiệm:

- Dòng sản phẩm β -lactam: TRAFORAN, TRAFUCEF-S, TRAVINAT, TV-ZIDIM, ...
- Dòng sản phẩm Non β -lactam: VARTEL 20mg, CLOPIDOGREL 75mg, PANCIDOL EXTRA, TV-OMEPRAZOLE, PRAZOPRO 40mg, PRAZOPRO 20mg, TESMISARTAN, TERPIN CODEIN, DIANGESIC CODEIN, NEO-CORCLION F, TV.PAPEN F, ...

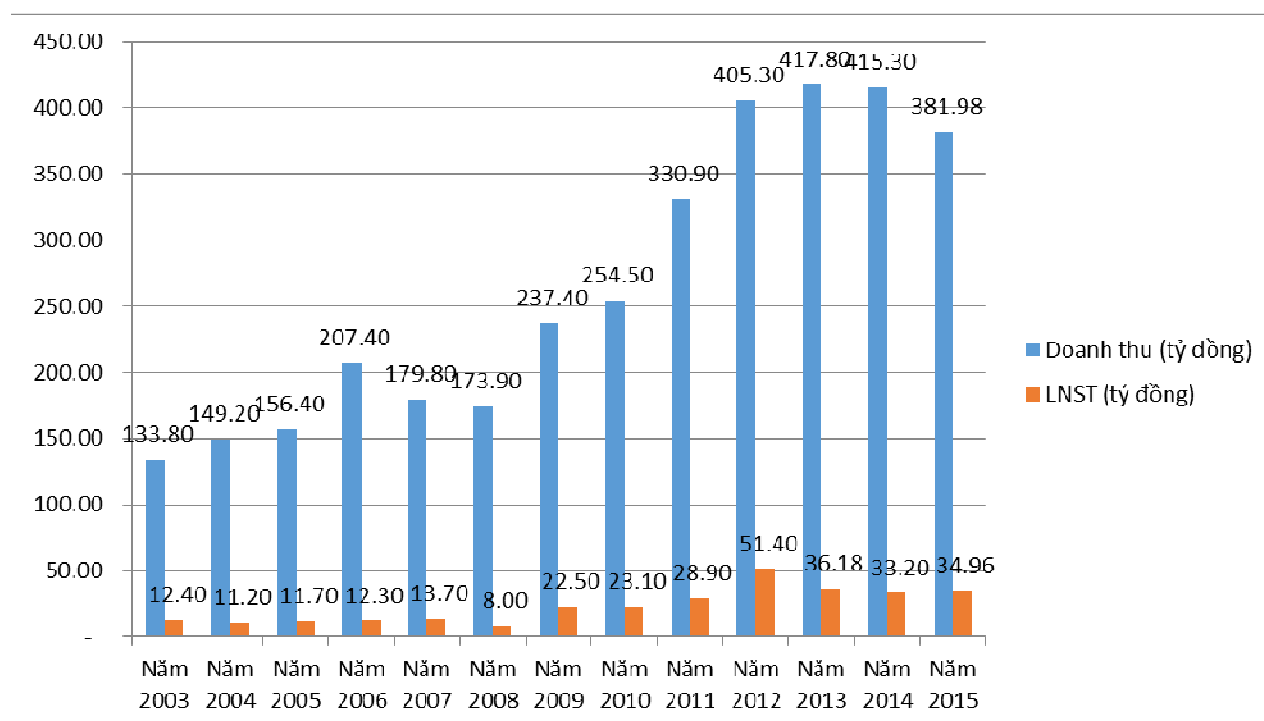
5.3 Số chi nhánh trực thuộc:

Công ty có 09 chi nhánh trực thuộc trải đều khắp cả nước gồm:

1	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI HÀ NỘI
	<i>Địa chỉ:</i> Số 22, Lô 11B, Trung Yên 10, KĐT Trung Yên, P Trung Hòa, Cầu Giấy, HN
	<i>Điện thoại:</i> 043.7833.516
2	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐÀ NẴNG
	<i>Địa chỉ:</i> Số 423, Trưng Nữ Vương, Hải Châu, Đà Nẵng
	<i>Điện thoại:</i> 0511.3633.951
3	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐẮKLẮK
	<i>Địa chỉ:</i> A8, Khu Hiệp Phúc, Phường Tân Lợi, Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk
	<i>Điện thoại:</i> 0500.3877.784
4	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI KHÁNH HOÀ
	<i>Địa chỉ:</i> Lô 60, Đường B1, Khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, Nha Trang, Khánh Hoà
	<i>Điện thoại:</i> 0583.896.579
5	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐỒNG NAI
	<i>Địa chỉ:</i> Số 29, Hồ Văn Đại, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
	<i>Điện thoại:</i> 061.3943.504
6	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI HỒ CHÍ MINH
	<i>Địa chỉ:</i> Q1A, Bạch Mã, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
	<i>Điện thoại:</i> 0839.702.315
7	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI AN GIANG
	<i>Địa chỉ:</i> Số 11B, Bùi Thị Xuân, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, An Giang
	<i>Điện thoại:</i> 076.6253.137
	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI CẦN THƠ

8	
	<i>Địa chỉ:</i> Số 17 B2, Khu dân cư 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
	<i>Điện thoại:</i> 0710. 3781.345
9	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRÀ VINH
	<i>Địa chỉ:</i> Số 1/8, Trần Phú, Phường 7, TP. Trà Vinh, Trà Vinh
	<i>Điện thoại:</i> 0743.753.072

5.4 Doanh thu và lợi nhuận Công ty từ khi cổ phần hóa:



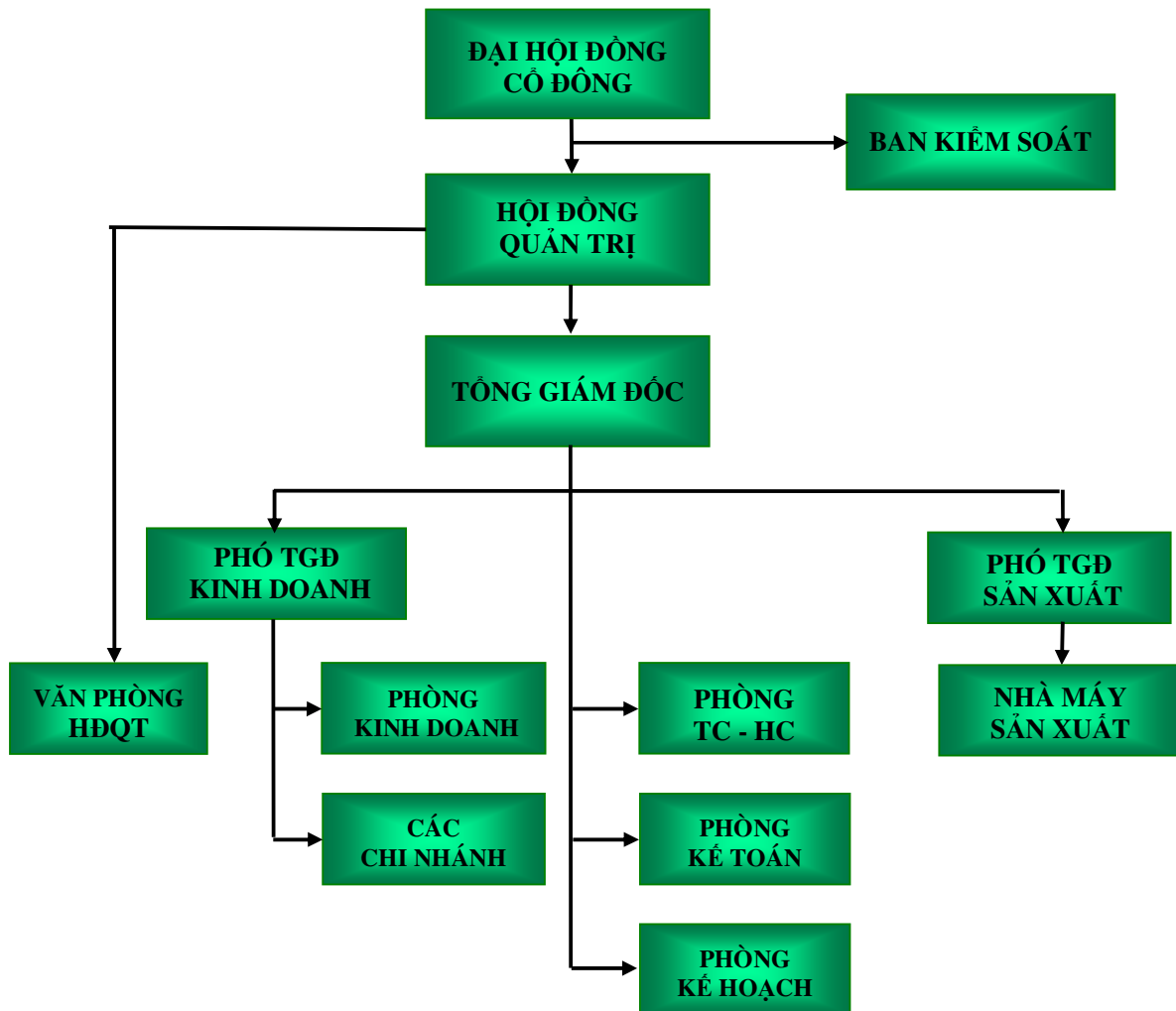
Phần 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

1. Mô hình quản trị:

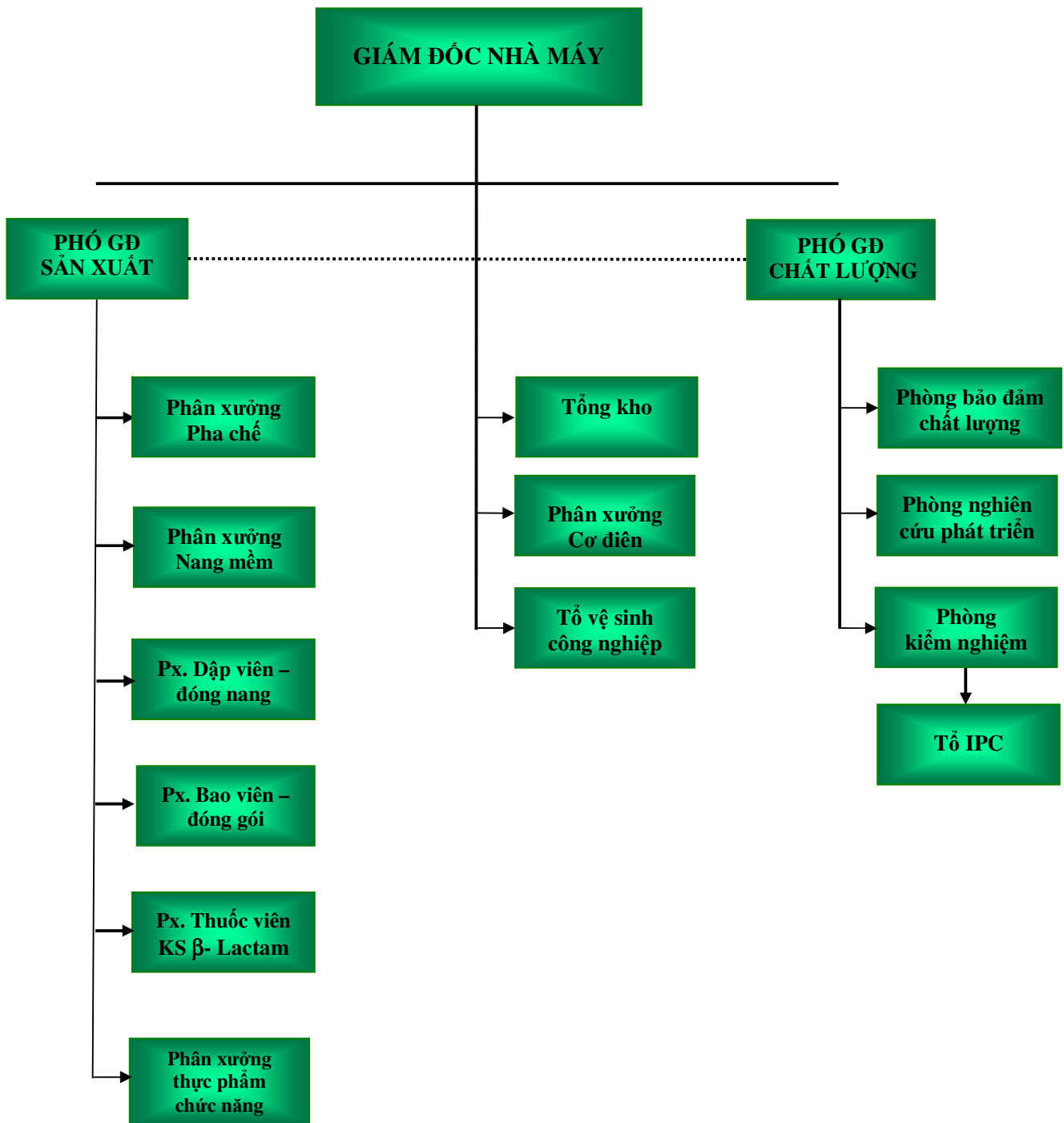
- TV.PHARM là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- Về chứng khoán, hiện TV.PHARM là công ty đại chúng, chưa niêm yết trên sàn.

2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức toàn Công ty:



Chi tiết sơ đồ cơ cấu tổ chức Nhà máy sản xuất:



3. Ban quản trị Công ty:

Ông BÙI VĂN TÙNG

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1956

Số chứng minh nhân dân: 334000958

Địa chỉ thường trú : 70 - Đồng Khởi, Phường 6, Tp.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Trình độ: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

08/1973 - 04/1975 Nhân viên Phòng dược chính – Ban dân y tỉnh Trà Vinh

05/1975 - 06/1982 Nhân viên Xí nghiệp liên hiệp dược Cửu Long

07/1982 - 09/1993 Giám đốc Trung tâm y tế Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

10/1993 - 09/2003 Phó giám đốc Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2003 - 08/2011 Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

8/2011 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Ông LÊ VIỆT THÀNH

Phó Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1970

Số chứng minh nhân dân: 023620039

Địa chỉ thường trú : Số 1, Đường 49, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1992 - 1993 Nhân viên Công ty giao nhận và xếp dỡ kho bãi Nhà Bè.

1993 - 1994 Kế toán viên Xí nghiệp in hải quan, Tổng Cục hải quan

1995 - 2005 Trưởng phòng bảo hiểm tài sản, bồi thường Công ty bảo hiểm TP HCM

2005 - 2007 Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm AAA

2007 - nay Phó giám đốc Chi nhánh Khu vực phía Nam Tổng công ty ĐT và KDVNN (SCIC)

6/2011 - nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CPDP TV.PHARM

Ông NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN

Thành viên HĐQT

Tổng giám đốc

Sinh năm: 1960

Số chứng minh nhân dân: 025203490

Địa chỉ thường trú : 28 Đường 81, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

01/1984 - 06/1992 Giáo viên Trường trung học y tế Cửu Long

07/1992 - 09/2001 Trưởng phòng kế hoạch nghiệp vụ Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh
10/2001- 05/2003 Phó Giám đốc Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh
05/2003 -11/2011 Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM
11/2011 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP dược phẩm TV.PHARM

Ông HÀ VĂN ĐỒNG

Thành viên HĐQT

Phó TGD sản xuất

Năm sinh: 1966

Số chứng minh nhân dân: 334454430

Địa chỉ thường trú : Phường 8, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Trình độ: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

03/1990 -> 05/1993 Nhân viên Công ty dược vật tư y tế Cửu Long

06/1993 -> 09/2003 Giám đốc nhà máy sản xuất Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2003 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

Ông LÊ XUÂN TRƯỜNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977

Số chứng minh nhân dân: 025278972

Địa chỉ thường trú : 145, Đường 79, Phường Tân Qui, Quận 7, TPHCM

Trình độ: Dược sĩ đại học, Thạc sĩ dược học

Quá trình công tác:

2003 - 2010 Giáo viên Dược Trung học – ĐH Y dược TPHCM

2011 - nay Giảng viên ĐH Y dược TPHCM

05/2012 - nay Thành viên HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Ông LÊ HỮU PHƯỚC

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1966

Địa chỉ thường trú : Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

Số chứng minh nhân dân: 334290222

Trình độ: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

1985 – 1990 Cán bộ Phòng Tài chính huyện Càng Long tỉnh Cửu Long

1991 – 1992 Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Cửu Long

1993 – 1994 Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh

1995 - 1998 Trưởng phòng nghiệp vụ Cục Quản lý vốn và tài sản NN tại DN tỉnh Trà Vinh

1999 - 2010 Phó phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh

2011 - nay Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh
2004 - nay: Trưởng BKS Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Ông PHẠM VĂN NGHĨA

Thành viên BKS

Năm sinh: 1988

Số chứng minh nhân dân: 321311711

Địa chỉ thường trú : 171/3 ấp 5, Thạnh Phong, Thạnh Phú, Bến Tre.

Trình độ: Đại học Luật

Quá trình công tác:

12/2012 – 8/2013 Chuyên viên pháp chế tại Cty đầu tư địa ốc Hoàng quân Cần Thơ

08/2013 đến nay Quyền Trưởng Ban kiểm soát nội bộ Công ty CPDP TV.PHARM

05/2015 đến nay Thành viên BKS Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Ông ĐOÀN VĂN

Thành viên BKS

Năm sinh: 1970

Số chứng minh nhân dân: 334349080

Địa chỉ thường trú: 118/8 đường Độc Lập, khóm 2, phường 3, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trình độ: Dược sĩ Đại Học

Quá trình công tác:

8/1994 – nay làm việc tại Nhà máy sản xuất Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM.
Chức vụ hiện tại: Quản đốc Phân xưởng bao viên đóng gói.

4/2014 – nay Thành viên BKS Công ty CPDP TV.PHARM

Ông NGUYỄN THÀNH SĨ

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1967

Số chứng minh nhân dân: 334141359

Địa chỉ thường trú : Đầu Bờ, Hòa Thuận, Châu Thành, Trà Vinh.

Trình độ: Dược sĩ đại học, Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

12/1991 - 03/1992 Nhân viên Xí nghiệp dịch truyền Cửu Long

05/1992 - 09/2003 Phó phòng Kế hoạch Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2003 - 09/2005 Phó phòng Kế hoạch Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

10/2005 - 10/2011 Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

11/2011 - 7/2012 Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

8/2012 - nay Phó Tổng giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

Bà NGUYỄN THỊ HỒNG CẨM

Kế toán trưởng

Số chứng minh nhân dân: 334098946

Địa chỉ thường trú: Phú Cần, Tiểu Cần, Trà Vinh

Trình độ: Đại học kinh tế, thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

12/1999 – 02/2006 Nhân viên Phòng kế toán Công ty cổ phần dược phẩm Trà Vinh

3/2006 – 8/2015 Phó phòng kế toán Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

8/2015 – đến nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

4. Nhân sự và chính sách người lao động:

4.1 Cơ cấu nhân sự các năm từ 2011-2015:

Phân loại	31/12/2011		31/12/2012		31/12/2013		31/12/2014		31/12/2015	
	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Phân loại theo giới tính :										
Nam	254	50,50%	271	50,19%	286	50,20%	299	49,83%	302	52,16%
Nữ	249	49,50%	269	49,81%	284	49,80%	301	50,17%	277	47,84%
Phân loại theo trình độ:										
Trên đại học	3	0,59%	4	0,74%	3	0,53%	4	0,67%	9	1,55%
Đại học	79	15,77%	90	16,66%	111	19,47%	122	20,33%	123	21,24%
Trung học	263	52,23%	285	52,60%	299	52,45%	328	54,67%	314	54,24%
Dược tá, PTTH	158	31,41%	162	30,00%	149	26,14%	146	24,33%	133	22,97%
Theo chức năng:										
Khối văn phòng	54	10,74%	76	14,07%	75	13,16%	73	12,17%	74	12,78%
Khối sản xuất	225	47,73%	249	46,11%	264	46,32%	281	46,83%	263	45,42%
Khối kinh doanh	224	41,53%	215	39,82%	231	37,52%	246	41,00%	242	41,8%
Tổng cộng	505	100%	503	100%	540	100%	570	100%	579	100%

4.2 Chính sách cho người lao động:

4.2.1. Tiền lương:

Lương cơ bản:

Là mức lương ghi trong trong hợp đồng lao động, được tính dựa trên hệ số lương theo thang bảng lương của Công ty Nhà nước nhân với mức cơ sở do Nhà nước quy định. Lương cơ bản là cơ sở để Công ty tham gia các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; tính lương ngừng việc, nghỉ chế độ có hưởng lương, chế độ nghỉ phép có liên quan đến người lao động. Người lao động

được nâng lương cơ bản theo đúng quy định về nâng bậc lương hàng năm của pháp luật lao động.

Tiền lương thực nhận:

Công ty hình thành quỹ lương dựa trên đơn giá tiền lương tổng hợp theo tổng doanh thu. Người lao động làm việc tại công ty được chia làm ba khối: văn phòng, sản xuất, kinh doanh. Mỗi khối, Công ty sẽ áp dụng hình thức trả lương phù hợp với tính chất công việc, trình độ chuyên môn và mức độ hoàn thành công việc phù hợp với pháp luật lao động và quy định của Công ty:

- Khối Văn phòng: Áp dụng hình thức trả lương công việc gắn với thời gian.
- Khối sản xuất: Áp dụng hình thức giao khoán Quỹ lương sản phẩm cho Nhà máy theo đơn giá tiền lương từng đơn vị sản phẩm.
- Khối kinh doanh: áp dụng hình thức khoán quỹ lương theo doanh thu.

Tùy theo hiệu quả và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, người lao động được chi lương bổ sung vào các dịp lễ 30/4, 02/9 và/hoặc tháng lương 13.

4.2.2. Tiền thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty áp dụng chính sách khen, thưởng:

- Thưởng vượt doanh số khoán đối với nhân viên bán hàng (theo từng quý).
- Khen, thưởng danh hiệu cuối năm: đối với cá nhân và tập thể toàn công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tốt nội quy, quy chế công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới; có sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh,...
- Đề xuất khen cao cho cá nhân và tập thể theo hướng dẫn của Hội đồng thi đua khen thưởng Tỉnh, Trung ương.
- Khen đột xuất cho cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật, điển hình.

4.2.3 Phúc lợi:

Công ty luôn thực hiện đúng quy định pháp luật lao động: ký hợp đồng lao động, tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn con người; khám sức khỏe định kỳ; bồi dưỡng độc hại; phụ cấp tiền ăn giữa ca theo định mức tối đa của Nhà nước; trang bị đồng phục, đồ bảo hộ lao động...

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng quan tâm chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động: cải tạo cảnh quan môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp; tổ chức tham quan du lịch hàng năm, đào tạo kết hợp du lịch; duy trì các hoạt động văn hóa vào các dịp Ngày quốc tế phụ nữ, Tết thiếu nhi, các phong trào thể dục thể thao giao lưu giữa các đơn vị... đã tạo không khí vui tươi phấn khởi cho nhân viên để làm việc tốt hơn;

Phần 3: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1. Báo cáo của Tổng giám đốc về hoạt động, sản xuất, kinh doanh năm 2015:

1.1 Về sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng năm 2015

Về Hệ thống sản xuất và quản lý chất lượng:

Văn phòng Công ty và hệ thống sản xuất, kiểm nghiệm, nhà kho của TV.PHARM nằm liên hoàn trên một quỹ đất rộng lớn tại Thành phố Trà Vinh.

Về sản xuất:

- TV.PHARM hiện có 03 Nhà máy:
 - Nhà máy Non β -Lactam
 - Nhà máy β -Lactam
 - Nhà máy thực phẩm chức năng
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP-WHO, ISO 9001: 2008 được duy trì, chất lượng hàng sản xuất ngày được nâng lên.
- Mở rộng và trang bị thêm máy móc, thiết bị cho phòng kiểm nghiệm, qua đó nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, đảm bảo chất lượng hàng sản xuất. Trong năm 2015, không có sản phẩm không đạt chất lượng phải thu hồi.
- Công tác cung ứng hàng hóa cho kinh doanh được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên do tình hình xin số đăng ký chậm cũng vẫn còn xảy ra tình trạng thiếu hàng do hết số đăng ký.

Sản lượng sản xuất năm 2015 đạt được như sau:

TT	Tên quy cách sản phẩm	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	So sánh (%) 2015/2014
1	Nhà máy Non Beta lactam				
-	Thuốc viên các loại	Viên	820.160.000	664.685.882	81,04%
-	Thuốc gói	Gói	873.375	1.171.545	134,14%
2	Nhà máy Beta lactam				
-	Thuốc viên các loại	Viên	76.962.000	59.998.610	77,96%
	Thuốc tiêm	Lo	854.000	2.399.983	281%
	Thuốc gói	Gói	5.198.700	3903858	75,09%

1.2 Kết quả kinh doanh và phát triển thị trường năm 2015

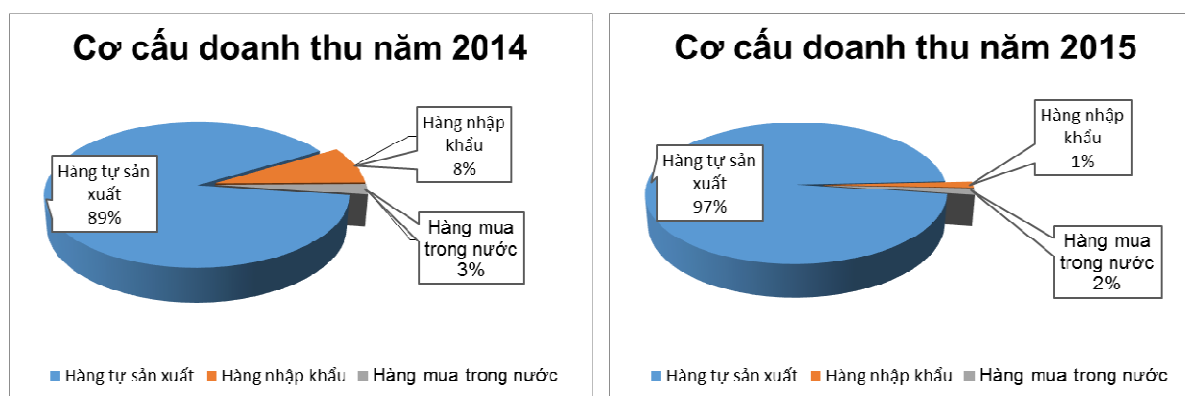
Kết quả đạt được năm 2015:

Đvt: đồng

CHỈ TIÊU	TH NĂM 2014	KH NĂM 2015	TH NĂM 2015	TH2015/ KH2015	TH2015/ TH2014
Doanh thu	416.280.592.880	460.000.000.000	384.600.144.556	83,61%	92,39%
Lợi nhuận trước thuế	42.987.424.512	52.564.000.000	44.731.311.354	85,10%	104,06%
Chi phí thuế TNDN	9.745.036.466	11.564.000.000	9.772.654.387	84,51%	100,28%
Lợi nhuận sau thuế	33.242.388.046	41.000.000.000	34.958.656.967	85,27%	105,16%

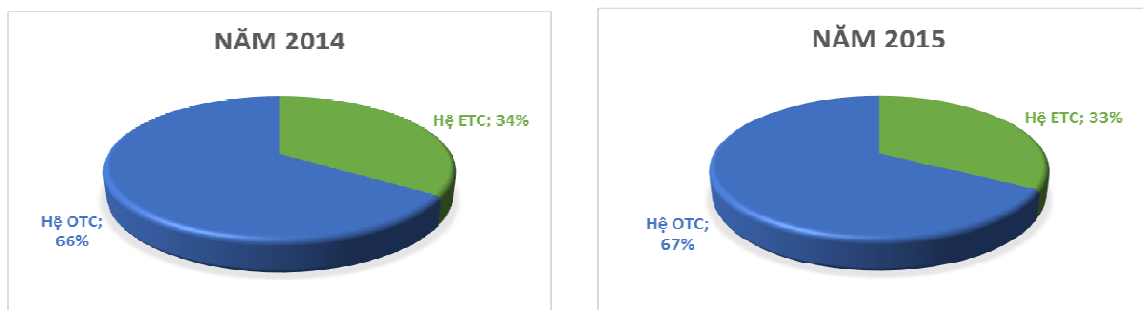
Phân tích doanh thu bán hàng:

Biểu đồ cơ cấu doanh thu 02 năm gần nhất:



TV.PHARM chủ yếu là kinh doanh hàng do chính Công ty sản xuất.

Cơ cấu doanh thu hàng sản xuất theo kênh bán hàng:



Ngay từ đầu năm 2015, Tổng giám đốc công ty đã ban hành nhiều quy định về quản lý công ty như: Quy định về ký hợp đồng và thời hạn thanh toán đối với kênh OTC; Quy định về chiết khấu thanh toán đối khách hàng; Quy định phạt lãi suất thu hồi nợ đối với Chi nhánh,... góp phần giảm nợ quá hạn đối với khách hàng OTC; Ban hành quy định thưởng cho nhân viên và quản lý bán hàng vượt doanh số khoán,...

Chỉ đạo Phòng kinh doanh cập nhật danh mục, dữ liệu khách hàng nhằm ổn định lại hệ thống phân phối, cố gắng đi sâu đi sát vào nhu cầu của khách hàng, kiên quyết xử lý các đối tượng vi phạm quy chế công ty.

Triển khai nhiều chương trình khuyến mãi để tăng doanh số kinh doanh:

- Các chương trình dài hạn:
 - Chương trình tích lũy doanh số năm “Vàng Bạc Đồng” năm 2015 kênh OTC
 - Chương trình “Đồng hành cùng TV.Pharm” đã triển khai từ đầu năm.
 - Chương trình tích lũy doanh số cuối năm để tham gia Hội nghị khách hàng cuối năm với hình thức tham gia quay số trúng thưởng và sẽ được tổ chức ở 07 khu vực trong cả nước.
- Các chương trình ngắn hạn: Chương trình “Tích lũy vàng, Lộc vàng may mắn”, chương trình khuyến mãi đặc biệt mừng Tết Nguyên đán Bính Thân năm 2016; Chương trình du lịch, Quay số trúng thưởng...

Sản phẩm của công ty đã được thị trường chấp nhận rộng rãi hơn, thương hiệu TV.Pharm dần khẳng định được vị thế trên thị trường. Tuy nhiên, về thương hiệu sản phẩm thì TV.PHARM nằm ở nhóm trung bình do cạnh tranh về giá giữa các công ty dược trong nước rất khốc liệt, tình hình giá thuốc đầu thầu vào hệ điều trị rất thấp do đó các công ty dược lại tập trung cạnh tranh về giá của kênh OTC.

Mặt khác, do những thay đổi trong chính sách quản lý của Bộ Y tế như Thông tư 44 về đăng ký thuốc, Thông tư 01 về đấu thầu thuốc, Thông tư 19 về quản lý thuốc gây nghiện và tiền chất cũng làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh chung của các doanh nghiệp dược trong đó có TV.PHARM.

Đặc biệt tình hình đăng ký thuốc hiện nay đang rất khó khăn, nhiều mặt hàng chủ lực có doanh số bán của công ty hết SĐK nhưng không được cấp lại SĐK mới hoặc được cấp lại nhưng rất chậm.

1.3 Tình hình tổ chức và nhân sự trong năm 2015

Nhân sự Ban điều hành:

STT	Nhân sự	Chức vụ	Số CPSH đến 5/1/2016	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Tổng giám đốc	1.225.578	12,188%
2	Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh	5.473	0,05%
3	Ông Hà Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất	30.294	0,3%
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Kế toán trưởng	733	0,007%

Lý lịch nhân sự trình bày tại Ban quản trị Công ty (Phần 2 - Cơ cấu tổ chức nhân sự)

Thay đổi nhân sự Ban điều hành:

Do Ông Hoàng Văn Giới bị bệnh phải điều trị dài ngày nên không thể tiếp tục đảm nhận công việc Kế toán trưởng. Nên Hội đồng quản trị đã thống nhất bỏ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm – Phó phòng kế toán giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 04/8/2015.

Số lượng lao động:

Số lượng lao động tại Công ty đến 31/12/2015 là 579 lao động.

1.4 Tình hình đầu tư năm 2015

Trong năm 2015, Công ty đã đầu tư 12.155.982.977 đồng bao gồm:

Đất đai	235.671.000
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.164.525.318
Máy móc thiết bị	7.789.907.841
Phương tiện vận tải	1.889.881.818
Thiết bị, dụng cụ	75.997.000

1.5 Tình hình tài chính năm 2015

Kết quả kinh doanh:

Đvt: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	Chênh lệch(+,-)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	384,600,144,556	416,280,592,880	(31,680,448,324)
Các khoản giảm trừ	2,617,835,022	1,898,209,822	719,625,200
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	381,982,309,534	414,382,383,058	(32,400,073,524)
Giá vốn hàng bán	242,670,137,601	260,518,513,856	(17,848,376,255)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139,312,171,933	153,863,869,202	(14,551,697,269)
Doanh thu hoạt động tài chính	1,111,173,641	1,130,096,154	(18,922,513)
Chi phí tài chính	4,538,386,953	8,200,517,192	(3,662,130,239)
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>2,548,756,538</i>	<i>5,368,796,691</i>	<i>(2,820,040,153)</i>
Chi phí bán hàng	69,910,944,458	82,787,935,549	(12,876,991,091)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21,935,688,221	21,899,259,159	36,429,062
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44,038,325,942	42,106,253,456	1,932,072,486
Thu nhập khác	1,236,666,620	1,086,525,484	150,141,136
Chi phí khác	543,681,208	205,354,428	338,326,780
Lợi nhuận khác	692,985,412	881,171,056	(188,185,644)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44,731,311,354	42,987,424,512	1,743,886,842
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9,772,654,387	9,745,036,466	27,617,921
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	34,958,656,967	33,242,388,046	1,716,268,921
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,948	2,793	

Nguồn vốn kinh doanh:

Đvt: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH (+,-)
I. NỢ PHẢI TRẢ	104,087,899,981	110,873,917,184	(6,786,017,203)
1. Nợ ngắn hạn	99,734,443,245	105,302,093,222	(5,567,649,977)
- Phải trả người bán ngắn hạn	41,491,903,868	44,520,201,327	(3,028,297,459)
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31,023,037	182,066,887	(151,043,850)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2,152,080,960	4,659,617,405	(2,507,536,445)
- Phải trả người lao động	4,953,101,593	6,543,970,943	(1,590,869,350)
- Chi phí phải trả ngắn hạn	6,839,911,301	9,624,769,521	(2,784,858,220)
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	635,993,774	(635,993,774)
- Phải trả ngắn hạn khác	10,950,293,476	1,410,961,294	9,539,332,182
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	29,077,163,023	34,710,812,984	(5,633,649,961)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,238,965,987	3,013,699,087	1,225,266,900
2. Nợ dài hạn	4,353,456,736	5,571,823,962	(1,218,367,226)
- Phải trả dài hạn khác	66,000,000	300,000,000	(234,000,000)
- Dự phòng phải trả dài hạn	4,287,456,736	5,271,823,962	(984,367,226)
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	189,412,512,489	191,916,126,689	(2,503,614,200)
1. Vốn cổ phần	100,800,000,000	100,800,000,000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	3,063,108,125	3,063,108,125	-
3. Cổ phiếu quỹ	(1,540,000)	(1,540,000)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	60,672,133,397	54,686,743,774	5,985,389,623
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24,878,810,967	33,367,814,790	(8,489,003,823)

Theo điều 126 Thông tư 200/2014/TT-BTC về việc chuyển đổi số dư từ quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/20016 sang thông tư 200 thì quỹ dự phòng tài chính được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển

Các khoản công nợ tài chính năm 2015 so với năm 2014 giảm với số tiền (6.786.017.203) đồng. Cụ thể như sau

1. Phải trả người bán giảm (3.028.297.459) đồng trong đó:

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH (+,-)
1. Phải trả trong nước VND	25,015,678,699	26,494,586,337	(1,478,907,638)
2. Phải trả nước ngoài	16,476,225,169	18,025,614,990	(1,549,389,821)
- USD	14,871,700,169	14,810,950,350	60,749,819
-EUR	1,604,525,000	3,214,664,640	(1,610,139,640)
Cộng	41,491,903,868	44,520,201,327	(3,028,297,459)

Nợ phải trả người bán trong nước chủ yếu là nguyên liệu, bao bì, mua hàng khuyến mãi cho chương trình hội nghị khách hàng 7 khu vực cuối năm với số tiền 780.629.934 đồng, mua hàng TPCN để phân phối độc quyền với số tiền 4.618.853.237 đồng. Nợ phải trả người bán nước ngoài là mua nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất

2. Thuế phải nộp Nhà nước bao gồm các loại thuế

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH (+,-)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,472,654,387	3,998,804,512	(2,526,150,125)
- Thuế thu nhập cá nhân	633,984,992	615,371,312	18,613,680
- Thuế khác	45,441,581	45,441,581	-
Cộng	2,152,080,960	4,659,617,405	(2,507,536,445)

3. Phải trả người lao động: 4.953.101.593 đồng bao gồm tiền lương, tiền ăn của người lao động và tiền thưởng quý 4/2015 của khối kinh doanh

4. Chi phí phải trả ngắn hạn 6.839.911.301 bao gồm **6,839,911,301**
 - Tiền xây dựng cơ bản chưa quyết toán do thiếu hồ sơ pháp lý 766,820,000

- Chi phí hội nghị khách hàng 7 khu vực cuối năm	3,732,690,000
- Chương trình vàng bạc đồng năm 2015	1,946,001,301
- Chương trình khuyến mãi đi du lịch Thái Lan của CNTV chưa thực hiện	394,400,000
5. Phải trả ngắn hạn khác 10.950.293.476 đồng bao gồm	10,950,293,476
- Phải trả cổ tức theo Nghị quyết HĐQT (ứng 10% trên VDL)	10,079,846,000
- Phải trả thù lao HĐQT quý 4/2015	225,000,000
- Tài sản thừa chờ giải quyết	139,580,699
- Khác	505,866,777

6. Vay và nợ thuê tài chính

Năm 2015 công tác huy động vốn có nhiều thuận lợi, các khoản vay duy trì với mức lãi suất 6-6,5% năm, do có nhiều chính sách quản lý công nợ trong bán hàng như thành lập ban giám sát, thu phạt nợ quá hạn kênh OTC các chi nhánh nên việc thu hồi công nợ khá tốt, do đó vay nợ ngân hàng giảm cụ thể các khoản vay năm 2015 so với năm 2014 giảm (5.633.649.961) đồng

7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi, an sinh xã hội với số tiền là : 4.238.965.987 đồng, bao gồm tiền bán thừa đất tại Đầu Bờ, Châu Thành, Trà vinh sau khi trừ các khoản thuế phải nộp còn lại 2.810.965.078 đồng và các khoản quỹ còn lại của năm 2014.

Sử dụng vốn kinh doanh:

1. Các khoản phải thu người mua :

Trong năm Công ty đã ban hành nhiều chính sách, quy định trong lĩnh vực bán hàng như: Thành lập ban giám sát, thu phạt nợ quá hạn kênh OTC các chi nhánh, công tác thu hồi nợ có chuyển biến tích cực nhưng Công ty cũng đã phát hiện tình trạng TDV chiếm dụng vốn rất nhiều, cụ thể đến ngày 29/02/2016 tổng số tiền chiếm dụng là: 4.142.748.615 đồng

Trong năm 2015 Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ với số tiền trích lập là : 7.541.186.949 đồng

Công nợ phải thu kênh ETC chiếm 51% công nợ nhưng doanh số bán hàng 124 tỉ chiếm 32,5% doanh số, điểm bất lợi khi bán hàng vào kênh ETC là công nợ kéo dài, giá thấp, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Kỳ thu tiền bình quân 86 ngày

b. Hàng tồn kho

KHOẢN MỤC	NĂM 2015	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH (+,-)
Nguyên vật liệu	44,496,197,990	52,867,271,609	(8,371,073,619)
Công cụ dụng cụ	86,966,000	204,435,000	(117,469,000)
Sản phẩm dở dang	14,477,702,533	11,577,580,740	2,900,121,793
Thành phẩm	48,779,242,318	47,075,974,487	1,703,267,831
Hàng hoá	13,611,053,378	5,897,936,463	7,713,116,915
Cộng	121,451,162,219	117,623,198,299	3,827,963,920
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(349,669,824)	(384,488,726)	(384,488,726)
Giá trị tồn kho thuần	121,800,832,043	118,007,687,025	3,793,145,018

Giá trị hàng tồn kho tăng 3,79 tỷ đồng chủ yếu là hàng hoá trong đó chủ yếu mua hàng để tổ chức hội nghị khách hàng cuối năm 1,2 tỷ đồng, nhận hàng bán độc quyền TPCN 3,4 tỷ đồng.

Vòng quay hàng tồn kho 2.03 vòng

Hàng kèm phẩm chất cuối năm 2015 tồn 1.748.349.118 đồng trong đó nguyên liệu 225.641.581 đồng; bao bì: 809.324.063 đồng; thành phẩm Nonbeta: 153.720.404 đồng; thành phẩm Beta 559.663.070 đồng. Trong năm 2015 đã thanh lý 1.448.359.681 đồng

Hoạt động tài chính

- Doanh thu tài chính

NỘI DUNG	NĂM 2015	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH (+,-)
1. Lãi tiền gửi	95,567,847	69,060,031	26,507,816
2. Chiết khấu thanh toán	738,086,303	624,261,653	113,824,650
3. Chênh lệch tỉ giá	190,878,853	388,200,194	(197,321,341)
4. Chênh lệch tỉ giá cuối năm	86,640,638	48,574,176	38,066,462
Cộng	1,111,173,641	1,130,096,054	(18,922,413)

- Chi phí tài chính

NỘI DUNG	NĂM 2015	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH (+,-)
1. Lãi tiền vay	2,548,756,538	5,368,796,691	(2,820,040,153)
2. Chiết khấu thanh toán	901,604,273	1,334,657,606	(433,053,333)
3. Chênh lệch tỉ giá	1,088,026,142	710,019,609	378,006,533
5. Hỗ trợ thu nợ		787,043,286	(787,043,286)
Cộng	4,538,386,953	8,200,517,192	(3,662,130,239)

Năm 2015 do lãi suất ngân hàng giảm duy trì ở mức 6-6,5%, mặt khác số dư nợ bình quân ở mức thấp 36.433.967.955 đồng

- Chi phí bán hàng

NỘI DUNG	NĂM 2015	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH (+,-)
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	27,404,903,918	33,823,005,231	(6,418,101,313)
Chi phí nhân viên	21,846,265,861	25,385,103,683	(3,538,837,822)
Chi phí công tác	8,829,667,182	11,939,785,843	(3,110,118,661)
Chi phí tiếp khách, hội nghị	6,097,227,015	5,033,215,461	1,064,011,554
Chi phí thuê kho, bến bãi	2,531,217,784	2,110,321,158	420,896,626
Chi phí vận chuyển	632,723,597	995,343,238	(362,619,641)
Chi phí bằng tiền khác	2,568,939,101	3,501,160,935	(932,221,834)
Cộng	69,910,944,458	82,787,935,549	(12,876,991,091)

- Chi phí quản lý doanh nghiệp

NỘI DUNG	NĂM 2015	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH (+,-)
Chi phí nhân viên quản lý	9,536,915,175	8,493,339,152	1,043,576,023

Chi phí dự phòng	1,455,512,076	1,254,532,809	200,979,267
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	976,613,197		976,613,197
Chi phí tiếp khách, hội nghị	1,081,482,587	1,570,683,053	(489,200,466)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,031,150,562	1,192,582,676	(161,432,114)
Chi phí công tác	1,005,909,954	1,396,371,484	(390,461,530)
Chi phí vận chuyển	1,020,961,320	1,054,457,383	(33,496,063)
Chi phí sửa chữa	507,891,541	671,450,525	(163,558,984)
Chi phí đồ dùng văn phòng	544,746,786	464,910,129	79,836,657
Chi phí bằng tiền khác	4,774,505,023	5,800,931,948	(1,026,426,925)
Cộng	21,935,688,221	21,899,259,159	36,429,062

Chi phí bán hàng năm 2015 giảm nhiều so với năm 2014 nguyên nhân là do doanh số giảm, chi phí giảm, mặt khác do Công ty đã ban hành nhiều chính sách bán hàng để tránh tình trạng không còn chi phí loại trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp; về chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 không có biến động so với năm 2014

Các chỉ tiêu tài chính:

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	CHÊNH LỆCH (+,-)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2.38	2.38	-
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1.16	1.27	(0.11)
- Khả năng thanh toán tức thời (lần)	0.19	0.06	0.13
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Vốn lưu động %	72.59	75.88	(3.29)
- Vốn cố định %	27.41	24.12	3.29
Chỉ tiêu về năng lực kinh doanh			
			-

- Vòng quay tổng tài sản	1.30	1.37	(0.07)
- Vòng quay TSCĐ	7.97	9.27	(1.30)
- Vòng vay vốn lưu động	1.61	1.65	(0.04)
- Vòng quay các khoản phải thu	3.76	3.48	0.28
- Vòng quay hàng tồn kho	2.03	2.23	(0.20)
- Vòng quay khoản phải trả	2.29	2.10	0.19
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			-
- Tỷ suất lợi nhuận gộp/DT thuần(%)	36.47	37.13	(0.66)
- Tỷ suất lợi nhuận /DT thuần(%)	11.71	10.37	1.34
- Lợi nhuận sau thuế/DT thuần(%)	9.15	8.02	1.13
- Tỷ suất sinh lợi trên tài sản ROA %	14.15	12.18	1.97
- Tỷ suất sinh lợi trên tổng vốn cổ phần ROE	18.34	18.05	0.29

2. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị:

2.1 Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015:

- Doanh thu 384,6 tỷ đồng (đạt 83,61% so KH 2015 và 92,39% so TH 2014)
- Lợi nhuận trước thuế 44,731 tỷ đồng (đạt 85,1% KH 2015 và đạt 104,6% so TH 2014)
- Lợi nhuận sau thuế 34,958 tỷ đồng (đạt 85,27% KH 2015 và đạt 105,16% so TH 2014)

Kết quả kinh doanh năm 2015 không đạt được kế hoạch đề ra chủ yếu là do:

- Các sản phẩm có chứa chất gây nghiện được quản lý theo Thông tư 19 - Bộ Y Tế là các sản phẩm truyền thống của công ty nên doanh số giảm.
- Cạnh tranh về giá giữa các công ty ngày càng gay gắt. Đặc biệt là kênh ETC do giá thuốc trúng thầu quá thấp.
- Do Bộ Y tế quản lý chặt chẽ công tác đăng ký thuốc nên nhiều mặt hàng hết số đăng ký nhưng không được cấp lại, trong đó nhiều sản phẩm chủ lực của công ty do đó doanh số

giảm). Cơ cấu sản phẩm của công ty bị thu hẹp, gây khó khăn cho công tác đấu thầu thuốc và triển khai các chương trình bán hàng.

- Việc triển khai bán Thực phẩm chức năng còn chậm, doanh số còn rất thấp do đây là các sản phẩm mới, chi phí quảng cáo chưa tương xứng và sản phẩm không có gì khác biệt so với các công ty khác.
- Việc xuất bán hàng không đúng địa chỉ theo qui định của công ty ở đa số các chi nhánh dẫn đến việc thu hồi nợ một số khu vực gặp nhiều khó khăn. Tồn tại tình trạng một số nhân viên bán hàng thu tiền của khách nhưng không nộp về công ty.
- Phần mềm quản lý công ty còn một số bất cập nên việc quản lý bán hàng thu hồi nợ chưa hiệu quả.
- Chương trình đồng hành cùng TV.Pharm 2015 triển khai gặp khó khăn do cạnh tranh với chương trình tương tự của các công ty bạn.

Tuy nhiên năm 2015 mặc dù doanh thu chỉ đạt 92,39% so với thực hiện của năm 2014 nhưng lợi nhuận mang về đạt 105,16% so với thực hiện năm 2014. Là do:

- Có sự chỉ đạo, quản lý chặt chẽ từ Ban lãnh đạo Công ty về tình hình thị trường, thu hồi nợ, quản lý chi phí.
- Công ty đã ban hành nhiều công văn về quản lý công nợ, quản lý bán hàng đúng địa bàn, quản lý hàng tồn kho, quản lý ngày giờ công lao động, ...
- Thành lập Ban giám sát bán hàng. Ban giám sát hoạt động, từng bước được củng cố và có kết quả tốt, làm tham mưu kịp thời cho Tổng giám đốc xử lý kịp thời các tiêu cực của các nhân viên bán hàng, giảm các khoản nợ quá hạn.
- Dư nợ vay ngân hàng giảm so với cùng kỳ năm trước, chi phí lãi vay giảm
- Đội ngũ trình được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm.
- Các chi nhánh có mối quan hệ thân thiết với khách hàng.
- Chương trình khuyến mãi và chương trình chăm sóc khách hàng được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Điểm mạnh của Công ty:

TV.PHARM đạt được kết quả trên là do có:

- Sự đoàn kết nhất trí cao, sự đồng tâm hiệp lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và toàn thể công nhân viên trong toàn công ty tạo thành sức mạnh tập thể xây dựng TV.PHARM ngày càng lớn mạnh.
- Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trẻ, có trình độ đại học và trên đại học tận tâm với công việc và gắn bó lâu dài với công ty. Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác thị trường nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo, tâm huyết, sẵn sàng vượt khó để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến.

- Sản phẩm do Công ty sản xuất có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, giá cả hợp lý được khách hàng tin tưởng sử dụng. Các sản phẩm kháng sinh, đặc biệt là kháng sinh dạng bột pha tiêm được thị trường chấp nhận và đưa vào sử dụng trong hệ điều trị cả nước mang lại hiệu quả kinh doanh cao.
- Mạng lưới phân phối ngày càng phát triển, mở rộng. Kênh phân phối OTC phát triển tốt do Công ty có những chương trình khuyến mãi, chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp.
- Được sự quan tâm của nhà đầu tư, sự tin tưởng ủng hộ của khách hàng, sự hợp tác của các nhà cung cấp và việc tạo điều kiện thuận lợi của các cơ quan, sở, ban ngành, ngân hàng trong và ngoài tỉnh.

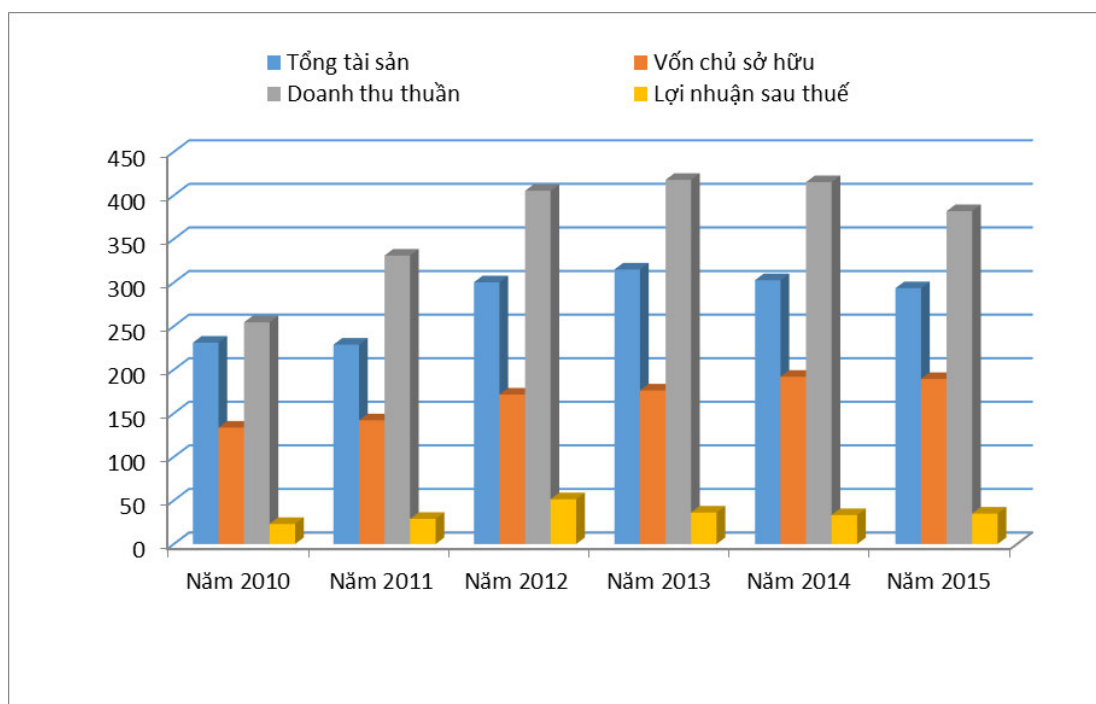
Những hạn chế cần khắc phục:

- Hệ thống quản trị chưa thật sự chuyên nghiệp, hiệu quả. Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực còn yếu.
- Hoạt động định vị thương hiệu và marketing còn chưa đồng bộ, hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) còn yếu, mang lại hiệu quả chưa cao.
- Tuy đã mở rộng được thị trường ra nước ngoài, nhưng hoạt động xuất khẩu còn hạn chế về số lượng và đối tác.
- Chưa khai thác được hết công suất của Nhà máy betalactam.
- Việc triển khai sản xuất thực phẩm chức năng còn chậm do phải trải qua thăm dò thị trường và làm công tác marketing.

Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 05 năm (năm 2011 -2015):

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	tỷ đồng	228,8	300,4	315,1	302,79	293,5
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	142	171,6	176,3	191,9	189,412
Doanh thu thuần	tỷ đồng	331	405,3	417,8	414,38	381,98
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	37	64,9	51,007	42,98	44,73
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	28,9	51,4	36,179	33,24	34,95
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	4.592	8.165	4.878	2.793	2.948
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản		12,64%	17,12%	11,48%	10,98%	11,91%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần		8,74%	12,69%	8,66%	8,02%	9,15%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu		20,37%	29,97%	20,52%	17,32%	18,45%

Biểu đồ một số chỉ tiêu từ năm 2010 – 2015



2.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2015:

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã tuân thủ đúng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty, phối hợp chặt chẽ trong việc tìm ra các giải pháp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

2.3 Chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2016:

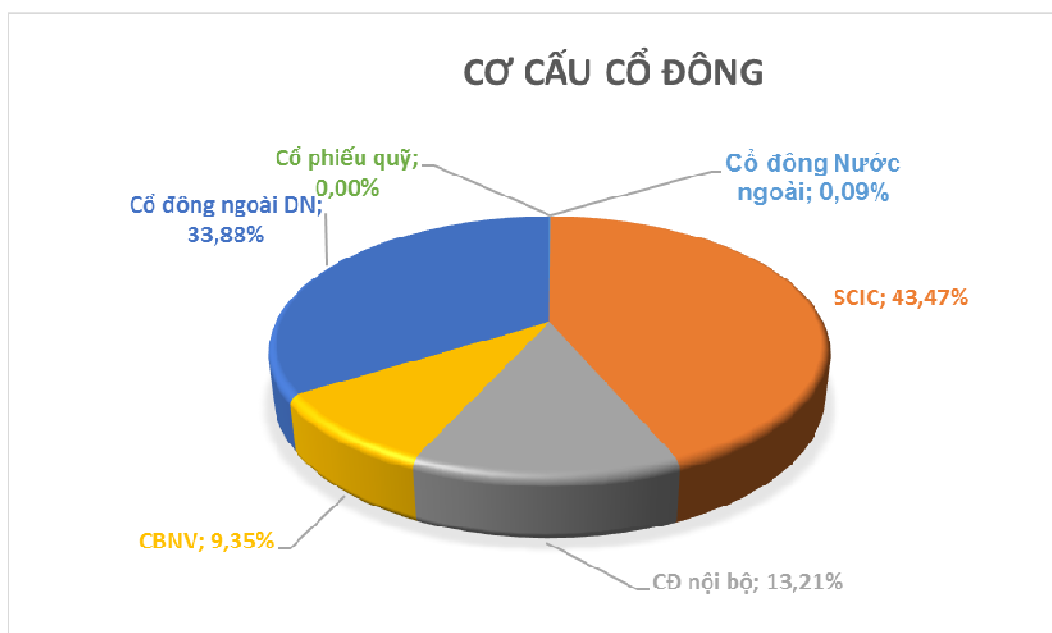
Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2015	KẾ HOẠCH 2016	KH 2016 so TH 2015
1	Doanh thu tiêu thụ	đồng	383.840.438.016	445.000.000.000	116%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	44.731.311.354	50.159.014.047	112%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	đồng	9.772.654.387	11.034.983.090	113%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	34.958.656.967	39.124.030.957	112%

3. Cơ cấu cổ đông:

Thông kê: (danh sách cổ đông chốt ngày 05/1/2016)

STT	Tiêu chí	Số lượng cổ đông			Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ sở hữu		
		Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng
1	Nước ngoài	1		1	8.950		8.950	0,089%	0%	0,089%
2	Trong nước	282	7	289	5.474.306	4.596.590	10.070.896	54,309%	45,601%	99,910%
	SCIC		1	1		4.381.920	4.381.920		43,471%	43,471%
	HDQT + BTGD	5		5	1.316.425		1.316.425	13,060%		13,060%
	BKS	1		1	14.385		14.385	0,143%		0,143%
	KTT	1		1	733		733	0,007%		0,007%
	CBNV	97		97	942.005		942.005	9,345%		9,345%
	Ngoài doanh nghiệp	178	6	184	3.200.758	214.670	3.415.428	31,754%	2,130%	33,883%
3	Cổ phiếu quỹ		1	1		154	154		0,002%	0,002%
4	Tổng	283	8	291	5.483.256	4.596.744	10.080.000	54,397%	45,603%	100%

Biểu đồ cơ cấu:



Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông lớn	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông lớn	1. Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	4.381.920	43,471%
		2. Ông Nguyễn Đăng Nguyên	1.250.126	12,402%
		Cộng		
2	Cổ đông nhỏ		4.447.954	44,13%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

Phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông tổ chức	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Tổ chức	1. Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	4.381.920	43,471%
		2. Công Ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	108.480	1,076%
		3. Cty Cổ Phần Dược Phẩm IMEXPHARM	40.548	0,402%
		4. Công Ty TNHH Bệnh Viện Quốc Tế Chân Thương Chính Hình Sài Gòn	32.000	0,317%
		5. Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm Trung Ương 1	16.000	0,159%
		6. Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	12,273	0,122%
		7. Cty TNHH Dược Phẩm Toàn Chân	5.369	0,053%
		8. Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM (cổ phiếu quỹ)	154	0,002%
		Cộng	4.596.744	45,60%
2	Cổ đông cá nhân		5.483.256	54,40%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

Phân theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông nước ngoài	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông nước ngoài	1. Trần Sơn Tây, Casimir, Thông	8.950	0,089%

		(Quốc tịch Pháp)		
2	Cổ đông trong nước		10.071.050	99,911%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

Phân theo tiêu chí cổ đông Nhà nước và cổ đông khác:

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông Nhà nước	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	4.381.920	43.471%
2	Cổ đông khác		5.698.080	56.529%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

Vốn điều lệ Công ty hiện tại: 100.800.000.000 đồng

Phát hành cổ phiếu năm 2015: không

Chứng khoán khác: không

Quá trình tăng vốn của Công ty từ khi cổ phần hóa đến nay:

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng	Vốn điều lệ sau phát hành
Năm 2003	Cổ phần hóa		35.000.000.000
Năm 2006	Cổ đông hiện hữu (Chia cổ phiếu thưởng)	13.000.000.000	48.000.000.000
Năm 2007	Cổ đông hiện hữu (5,7 tỷ) Đối tác chiến lược (3 tỷ) Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư (6,3 tỷ)	15.000.000.000	63.000.000.000
Năm 2013	Cổ đông hiện hữu - Chia cổ tức 10% - Chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1	37.800.000.000	100.800.000.000

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

4.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Tổng lượng nguyên phụ liệu sử dụng để sản xuất trong năm: **411 tấn**
- Tổng lượng màng PVC dùng ép vi: **145 tấn**
- Tổng lượng màng nhôm in dung ép vi: **32 tấn**
- Tổng lượng bao bì bao bì giấy để đóng gói: **72 Tấn**

b. Tỷ lệ nguyên liệu sử dụng tái chế khoảng 1,5% - 2% (qui định trong sản xuất không quá 3%) bao gồm sản phẩm còn lại ở các bộ phận pha chế, dập viên, đóng nang.

4.2 Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: sử dụng nguồn điện lưới quốc gia

b. Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: sử dụng máy phát 150KW (động cơ Điezen)

c. Tiết kiệm năng lượng:

- Hiện tại sử dụng biến tần để điều chỉnh cho tất cả các thiết bị có công suất từ 5KW/h trở lên (tiết kiệm được khoảng 30-40%).
- Sử dụng thông báo yêu cầu “đúng công suất, sử dụng điện có thời điểm”, ...
- Kiểm soát tải tiêu thụ (cài đặt đúng nhiệt độ, đúng thời gian vận hành)
- Điện tiêu thụ hàng tháng trung bình: 1.500.000 KWh/tháng
- Điện tiêu thụ tự phát: khoảng 2% tổng tiêu thụ điện quốc gia

4.3. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước: Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Trà Vinh. Lượng nước sử dụng: trung bình khoảng 20.000m³/năm.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *không*

4.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *không*

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *không*

4.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng người lao động toàn công ty đến 31/12/2015 là 579 người.
- Lương bình quân của CB-CNV năm 2015 là 5,5 triệu đồng/người/tháng (năm 2014: 5,9 triệu đồng/tháng), giảm bình quân 500 ngàn đồng/tháng so với năm 2014.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các điều kiện lao động được đảm bảo như điều hòa nhiệt độ, ánh sáng, tiếng ồn, bụi, khí độc, ... Công ty thực hiện tốt việc đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn con người cho người lao động.

Công ty luôn thực hiện tốt và nghiêm túc công tác an toàn vệ sinh lao động, PCCN, trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện bảo hộ lao động. Đảm bảo 100% người lao động tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc và 100% người lao động được tham gia bảo hiểm tai nạn con người.

Thỏa ước lao động tập thể có nhiều điều khoản có lợi cho người lao động như:

Người lao động nghỉ hưu trí hoặc nghỉ hết tuổi lao động được Công ty tặng quà (tiền mặt) từ 3 đến 5 triệu đồng; người lao động được thanh toán tiền tàu xe mỗi năm 01 lần khi về quê tại các tỉnh phía Bắc và người lao động có hộ khẩu tại tỉnh Trà Vinh nhận công tác ở các tỉnh từ Bình Thuận trở ra; hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch,...

Không chỉ quan tâm đến người lao động về mặt vật chất mà còn về mặt tinh thần, Công ty luôn tôn trọng quyền bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử về mặt giới tính trong tuyển dụng lao động và trả lương công bằng tùy theo năng lực của mỗi người. Công ty cũng chú trọng và tạo điều kiện giúp người lao động nâng cao chuyên môn, thực hiện tốt các chế độ đối với lao động nữ.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

❖ Đối với công nhân của Khối sản xuất, Công ty lập kế hoạch đào tạo hàng năm, cụ thể:

- Về chương trình tổng quát:
 - o Những điểm cơ bản về GMP - WHO, GLP, GSP, ISO 9001: 2008
 - o Vệ sinh cá nhân, các nguyên tắc đi vào khu vực sản xuất.
 - o Vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe nhân viên.
- Những khái niệm về thẩm định quy trình vệ sinh, thẩm định quy trình sản xuất, thẩm định thiết bị.
 - o Yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, các cấp độ sạch của nhà máy.
 - o Những điểm lưu ý hay mắc phải trong công việc thực tế ở các bộ phận.
 - o An toàn vệ sinh lao động, các phương pháp sơ cứu người bị nạn khi có tai nạn, sự cố, PCCN.
 - o Đào tạo thực hiện đúng các thao tác về vận hành, bảo trì các thiết bị trong toàn nhà máy như: SOP vận hành, vệ sinh, hiệu chuẩn, bảo trì, SOP thẩm định, tháo ráp, các thiết bị trong sản xuất, hệ thống xử lý không khí, hệ thống xử lý nước. Các SOP cụ thể từng công việc cho các bộ phận của phân xưởng.
- *Chương trình cụ thể tại các phòng, phân xưởng trực thuộc Nhà máy:*
 - o Thực hiện đúng các thao tác trong sản xuất như các SOP trong sản xuất, quy trình sản xuất, cách ghi chép hồ sơ lô.
 - o Đảm bảo chất lượng theo GMP và tiêu chuẩn ISO.
 - o Áp dụng GMP / ISO vào công việc thực tế trong bộ phận sản xuất.
 - o Vận hành, vệ sinh thiết bị trong sản xuất.
 - o Vệ sinh nhà xưởng, an toàn về điện, phòng chống cháy nổ, nội quy làm việc.

Mỗi nhân viên sẽ được tham gia huấn luyện khoảng 03 ngày trong năm.

❖ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

– Công tác đào tạo cán bộ quản lý, nhân viên bán hàng cũng được chú trọng, các chương trình đào tạo trình độ được viên thực hiện thường xuyên, liên tục với nhiều khóa học thực tiễn như: TV.PHARM đã phối hợp với VCCI tổ chức khóa đào tạo “Kỹ năng quản lý cấp trung”; Kết hợp chương trình đào tạo với tham quan du lịch tại Phan Thiết – Bình Thuận, mời chuyên gia có kinh nghiệm huấn luyện kiến thức sản phẩm, kỹ năng bán hàng, kỹ năng chăm sóc khách hàng, kỹ năng quản lý & thu hồi công nợ,... cho nhân viên bán hàng, qua các khóa đào tạo trên giúp cập nhật và nâng cao kiến thức, trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ quản lý và nhân viên, góp phần mang lại hiệu quả tốt cho hoạt động kinh doanh.

4.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

– Môi trường làm việc: môi trường xung quanh thông thoáng, trồng cây xanh, đảm bảo không khí trong lành.

– Về xử lý chất thải:

Đối với chất thải lỏng được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ 24 giờ trước khi thải ra môi trường.

○ Đối với chất thải rắn có khả năng gây ô nhiễm môi trường được thu gom vào túi nilon buộc kín, dán nhãn đỏ “Loại bỏ” chuyển đến kho “Loại bỏ”. Định kỳ được giao nhận với Công ty Môi trường Tp. Hồ Chí Minh để xử lý.

○ Đối với chất thải khí: hơi acid, kiềm, khí độc, dung môi hữu cơ được đưa vào hệ thống tủ hút khí độc có giàn mưa, khí thải ngưng tụ sẽ theo hệ thống nước thải của nhà máy, phần khí thải còn lại đã giảm độc sẽ theo đường ống dẫn khí thải ra ngoài.

○ Riêng đối với hệ thống khí thải nhà máy β - Lactam trước khi thải ra môi trường được đưa qua bồn lọc, nhờ máy bơm bơm dung dịch xút dạng phun sương trong bồn lọc nên khí thải đi qua được khử các hoá chất và khí thải tiếp tục đi qua hệ thống khử mùi bằng than hoạt tính cuối cùng được thải ra ngoài.

– Công ty tham gia tích cực hoạt động từ thiện xã hội, đền ơn đáp nghĩa như: ủng hộ trẻ em nghèo, khuyết tật, ủng hộ xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ gia đình chính sách, đóng góp quỹ phòng chống bão lụt, quỹ khuyến học, đóng góp cuộc vận động nghĩa tình Trà Vinh, ... Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ thuốc cho Bệnh viện đa khoa tỉnh, Đoàn khối cơ quan tỉnh Trà Vinh, Hội người cao tuổi, các bệnh viện phòng khám trong tỉnh để khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí phục vụ khám chữa bệnh cho đồng bào nghèo, đồng bào dân tộc, người cao tuổi, gia đình chính sách trong địa bàn tỉnh Trà Vinh; Hỗ trợ kinh phí xây dựng trụ sở làm việc của ấp Tân Định, xã Tân An, huyện Càng Long; tổ chức khám chữa bệnh cấp phát thuốc miễn phí; hỗ trợ xây dựng 02 căn nhà tình thương tại Phường 9; hỗ trợ tình hội người mù Trà Vinh; đóng góp quỹ công trình thanh niên của Ban chấp hành tỉnh đoàn Trà Vinh; hỗ trợ kinh phí tổ chức Tết Trung thu cho thiếu nhi Phường 9; ủng hộ kinh phí xây cầu của xã Nhị Long.... Tổng số tiền ủng hộ trong năm 2013 là 290,918 triệu đồng; năm 2014 là 239,7 triệu đồng; năm 2015 là: **240,387** triệu đồng.

Phần 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2015:

1. Ý kiến kiểm toán

Deloitte.



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750

Số: 36A /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xin vui lòng xem chi tiết Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty tại website của Công ty [www.tvpharm.com.vn/Mục Quan hệ cổ đông](http://www.tvpharm.com.vn/Mục_Quan_hệ_cổ_đồng).

**Xác nhận của
đại diện theo pháp luật của Công ty**



NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN